

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI: Trắc nghiệm online
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: Khí cụ điện**Nhóm: 01****Ngày thi: 21/01/2022****Giờ thi: 09:45****Phòng thi: ON19****Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Thanh Lễ**

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228294	1	2121050001	Phạm Quốc	Anh	03/02/2003	CCQ2105A	7.4	7.0	7.2	
228294	2	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu	Chương	29/03/2003	CCQ2105A	5.6	6.0	5.8	
228294	3	2121050058	Phạm Tiến	Cường	21/01/2003	CCQ2105B	6.3	5.1	5.6	
228294	4	2121050050	Nguyễn Anh	Dương	27/06/2001	CCQ2105B	6.5	6.1	6.3	
228294	5	2121050002	Nguyễn Thành	Đạt	25/06/2003	CCQ2105A	7.5	7.1	7.3	
228294	6	2121050031	Nguyễn Văn Thành	Đạt	17/07/2003	CCQ2105A	6.3	5.6	5.9	
228294	7	2121050041	Nguyễn	Đức	20/04/2003	CCQ2105B	6.6	6.5	6.5	
228294	8	2121050003	Nguyễn Phan Thành	Đức	09/03/2003	CCQ2105A	6.4	6.5	6.5	
228294	9	2121050057	Hòa Ngọc	Hải	22/02/2002	CCQ2105B	7.3	6.6	6.9	
228294	10	2121050004	Lâm Thanh	Hiền	21/09/2003	CCQ2105A	7.3	6.8	7.0	
228294	11	2121050049	Đào Tấn	Hiền	27/09/2003	CCQ2105B	7.1	6.3	6.6	
228294	12	2121050019	Võ Ngọc	Huy	06/02/2003	CCQ2105A	7.6	6.3	6.8	
228294	13	2121050025	Nguyễn Hải	Hung	15/07/2003	CCQ2105A	2.5	3.0	2.8	
228294	14	2121050038	Nguyễn Hoàng	Hy	13/07/2003	CCQ2105B	7.8	7.1	7.4	
228294	15	2121050013	Nguyễn Ngọc	Kha	21/11/2003	CCQ2105A	7.8	6.1	6.8	
228294	16	2121050042	Hứa Hoàng	Khang	16/12/2003	CCQ2105B	7.7	7.5	7.6	
228294	17	2121050034	Nguyễn Việt	Khang	23/09/2003	CCQ2105A	5.5	7.8	6.9	
228294	18	2121050043	Châu Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2105B	6.3	6.3	6.3	
228294	19	2121050061	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khánh	05/12/2003	CCQ2105B	6.5	6.5	6.5	
228294	20	2121050022	Lâm Tuấn	Kiệt	14/08/2002	CCQ2105A	6.5	6.0	6.2	
228294	21	2121050062	Nguyễn Tự	Lập	10/08/2003	CCQ2105B	6.7	6.1	6.3	
228294	22	2121050056	Nguyễn Hoài	Linh	09/07/2003	CCQ2105B	5.6	6.5	6.1	
228294	23	2121050047	Trương Thành	Linh	27/05/2000	CCQ2105B	6.3	6.5	6.4	
228294	24	2121050005	Phan Phi	Long	29/10/2000	CCQ2105A	7.8	7.0	7.3	
228294	25	2121050006	Trần Văn	Luân	03/11/2003	CCQ2105A	7.0	7.0	7.0	
228294	26	2121050055	Nguyễn Văn	Lưu	19/04/2003	CCQ2105B	5.7	6.1	5.9	
228294	27	2121050051	Nguyễn Gia	Mẫn	30/10/2003	CCQ2105B	5.9	5.8	5.8	
228294	28	2121050065	Trịnh Văn	Minh	17/10/2003	CCQ2105B	6.2	3.7	4.7	
228294	29	2121050036	Lê Thanh	Nam	19/05/2003	CCQ2105B	4.9	6.1	5.6	
228294	30	2121050063	Đỗ Duy	Ngọc	14/11/2003	CCQ2105B	6.2	5.8	6.0	
228294	31	2121050030	Hồ Ngọc	Nguyên	25/09/2003	CCQ2105A	5.8	4.6	5.1	
228294	32	2121050040	Nguyễn Trường Đình	Nguyên	20/04/2003	CCQ2105B	5.9	7.0	6.6	
228294	33	2121050018	Hoàng Quốc	Nhật	11/09/2003	CCQ2105A	7.1	7.1	7.1	
228294	34	2121050007	Trần Phương	Nhật	07/07/2003	CCQ2105A	6.7	7.0	6.9	
228294	35	2121050032	Nguyễn	Phát	14/03/2003	CCQ2105A	6.4	5.8	6.0	
228294	36	2121050008	Nguyễn Tấn	Phát	19/09/2003	CCQ2105A	6.3	6.5	6.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI: Trắc nghiệm online
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: Khí cụ điện

Nhóm: 01

Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 09:45

Phòng thi: ON19

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Thanh Lễ

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
------	-----	------	---------	-------	-----------	-------	-------------------	--------------------	------------	------------

Số sinh viên có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số sinh viên vắng mặt: 0

Số tờ giấy thi: 36

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú. Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1



Trần Thị Thanh Lễ

Cán bộ chấm thi 1



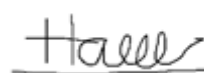
Trần Thị Thanh Lễ

Cán bộ coi thi 2



Nguyễn Văn Phước

Cán bộ chấm thi 2



Nguyễn Thị Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Trắc nghiệm online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Khí cụ điện.....

Nhóm: ...01.....

Ngày thi:21/01/2022..... Giờ thi:.....09:45.....

Phòng thi: ...ON35...

Giảng viên giảng dạy:Trần Thị Thanh Lễ.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228024	1	2119050070	Phan Kim Tuấn	Anh	07/04/2001	CCQ1905C	5.9	4.6	5.1	
228024	2	2118050006	Nguyễn Khánh	Bình	30/08/2000	CCQ1805A	7.3	5.8	6.4	
228024	3	2120050002	Đinh Thành	Danh	14/09/2002	CCQ2005A	6.5	6.2	6.3	
228024	4	2119050037	Đào Tấn	Cường	08/05/2001	CCQ1905B	7.7	6.0	6.7	
228024	5	2118050076	Văn Thành	Đạt	08/07/2000	CCQ1805B	6.4	6.0	6.2	
228024	6	2119050078	Nguyễn Quang	Hiếu	25/10/2001	CCQ1905C	5.9	4.8	5.2	
228024	7	2119050042	Lê Khắc	Hoan	10/03/2001	CCQ1905B	6.5	5.8	6.1	
228024	8	2119050006	Nguyễn Đức	Huy	21/02/2001	CCQ1905A	6.5	5.2	5.7	
228024	9	2119050010	Võ Văn	Hữu	06/03/2001	CCQ1905A	7.4	6.6	6.9	
228024	10	2120050013	Nguyễn Vũ	Nguyên	08/03/2002	CCQ2005A	6.4	5.6	5.9	
228024	11	2119050141	Huỳnh Văn	Kiệt	29/06/2001	CCQ1905D	6.2	6.0	6.1	
228024	12	2118050111	Hồ Chí	Phong	09/05/2000	CCQ1805B	7.2	6.6	6.8	
228024	13	2119050020	Nguyễn Đặng	Phong	15/05/2000	CCQ1905A	6.6	4.6	5.4	
228024	14	2118050112	Nguyễn Hữu	Phước	21/02/2000	CCQ1805B	6.5	6.2	6.3	
228024	15	2119050053	Nguyễn Văn	Sang	27/05/2000	CCQ1905B	7.9	5.2	6.3	
228024	16	2119050131	Trần Ngọc	Sinh	15/09/2001	CCQ1905D	6.1	6.2	6.2	
228024	17	2119050025	Cao Hữu	Tài	22/10/2001	CCQ1905A	7.3	7.2	7.2	
228024	18	2118050044	Đỗ	Tài	15/08/2000	CCQ1805A	6.7	6.0	6.3	
228024	19	2120050087	Trần Nhất	Tâm	21/05/2001	CCQ2005C	4.7	3.8	4.2	
228024	20	2120110097	Huỳnh Văn	Thà	26/05/2002	CCQ2005D	6.1	5.0	5.4	
228024	21	2119050029	Nguyễn Thanh	Tình	03/04/2001	CCQ1905A	3.8	6.0	5.1	
228024	22	2118060039	Nguyễn Châu	Trọng	07/11/2000	CCQ1805C	6.0	5.2	5.5	
228024	23	2119050137	Huỳnh Nhật	Trường	16/08/2000	CCQ1905D	4.9	5.0	5.0	
228024	24	2119050033	Phan Thanh	Tùng	29/05/2001	CCQ1905A	6.0	4.4	5.0	
228024	25	2119050104	Lưu Trọng	Ty	21/05/2001	CCQ1905C	6.5	5.4	5.8	
228024	26	2118030192	Phạm Nhân	Văn	24/01/2000	CCQ1805C	6.2	5.2	5.6	
228024	27	2118050205	Lê Hùng	Vin	02/02/2000	CCQ1805C	5.8	5.6	5.7	

Số sinh viên có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số sinh viên vắng mặt: 0

Số tờ giấy thi: 27

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.
 Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1



Cán bộ coi thi 2



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Trắc nghiệm online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học:...Khí cụ điện..... Nhóm: ...01.....
Ngày thi:21/01/2022..... Giờ thi:.....09:45..... Phòng thi: ...ON35...
Giảng viên giảng dạy:Trần Thị Thanh Lễ.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
------	-----	------	---------	-------	-----------	-------	-------------------	--------------------	------------	------------

Trần Thị Thanh Lễ

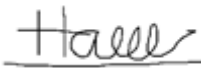
Cán bộ chấm thi 1



Trần Thị Thanh Lễ

Nguyễn Thị Hạnh

Cán bộ chấm thi 2



Nguyễn Thị Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Trắc nghiệm online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Khí cụ điện.....

Nhóm: ...01.....

Ngày thi:21/01/2022..... Giờ thi:.....09:45.....

Phòng thi: ...ON39...

Giảng viên giảng dạy: :Trần Thị Thanh Lễ.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228294	1	2121050009	Nguyễn Trung	Phi	18/03/2003	CCQ2105A	6.5	5.8	6.1	
228294	2	2121050039	Đặng Đức	Phú	07/07/2003	CCQ2105B	7.4	6.6	6.9	
228294	3	2121060026	Nguyễn Xuân	Phú	10/08/2003	CCQ2106A	7.2	5.6	6.2	
228294	4	2121050021	Trần Quang	Phú	02/03/2002	CCQ2105A	6.3	6.5	6.4	
228294	5	2121050045	Lê Ngô Hữu	Phúc	13/06/2003	CCQ2105B	v	v	v	v
228294	6	2121050010	Đỗ Hoàng	Phước	16/01/2003	CCQ2105A	7.4	6.8	7.0	
228294	7	2121050064	Nguyễn Thanh	Phương	23/04/2003	CCQ2105B	7.9	6.8	7.2	
228294	8	2121050066	Đoàn Ngọc	Quốc	29/09/2003	CCQ2105B	6.9	4.8	5.6	
228294	9	2121050046	Nguyễn Minh	Quốc	04/06/2001	CCQ2105B	3.2	6.6	5.2	
228294	10	2121050069	Đỗ Trọng	Quý	16/01/2003	CCQ2105B	7.6	5.5	6.3	
228294	11	2121050060	Lê Văn	Quyết	02/01/2003	CCQ2105B	7.2	6.3	6.7	
228294	12	2121050037	Châu Phước	Sang	11/11/2003	CCQ2105B	7.0	6.0	6.4	
228294	13	2121050011	Phan Trần Trung	Tâm	15/12/2003	CCQ2105A	6.7	4.6	5.4	
228294	14	2121050044	Từ Tịnh	Tâm	31/05/2003	CCQ2105B	6.6	7.1	6.9	
228294	15	2121050054	Đàng Đức	Tân	17/06/2003	CCQ2105B	7.1	5.5	6.1	
228294	16	2121050012	Nguyễn Công	Thành	25/08/2003	CCQ2105A	6.7	7.1	6.9	
228294	17	2121050033	Nguyễn Đình	Thao	24/05/2003	CCQ2105A	v	v	v	v
228294	18	2121050059	Phạm Quang	Thắng	15/04/2002	CCQ2105B	7.4	6.3	6.7	
228294	19	2121050067	Võ Công	Thật	20/09/2000	CCQ2105B	v	v	v	v
228294	20	2121050028	Nguyễn Sỹ	Thiện	13/02/2002	CCQ2105A	7.1	6.8	6.9	
228294	21	2121050026	Phạm Minh	Thông	03/10/2003	CCQ2105A	7.7	7.1	7.3	
228294	22	2121050014	Lê Minh	Thuận	13/09/2003	CCQ2105A	6.8	6.4	6.6	
228294	23	2121050052	Lê Minh	Thuận	13/02/2003	CCQ2105B	6.5	5.8	6.1	
228294	24	2121050015	Nguyễn Minh	Tiến	18/06/2003	CCQ2105A	7.2	6.8	7.0	
228294	25	2121050016	Trương Thanh	Triều	06/10/2001	CCQ2105A	7.0	6.8	6.9	
228294	26	2121050053	Huỳnh Ng. Tấn	Trung	30/01/2002	CCQ2105B	7.5	6.8	7.1	
228294	27	2121050068	Nguyễn Văn	Trung	08/01/2002	CCQ2105B	v	v	v	v
228294	28	2121050048	Trần Trung	Trực	01/10/2002	CCQ2105B	4.9	6.6	5.9	
228294	29	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	CCQ2105A	6.2	4.5	5.2	
228294	30	2121050073	Nguyễn Minh	Tuấn	01/06/2003	CCQ2105A	v	v	v	v
228294	31	2121050020	Phạm Minh	Tuấn	16/10/2001	CCQ2105A	7.1	6.5	6.7	
228294	32	2121050035	Trần Văn	Tuấn	03/07/2003	CCQ2105A	4.3	5.3	4.9	
228294	33	2121050072	Huỳnh Hoàng	Tường	29/05/1998	CCQ2105B	7.9	6.3	6.9	
228294	34	2121050023	Nguyễn Tấn	Vĩ	31/03/2002	CCQ2105A	v	v	v	v
228294	35	2121050017	Lê Hồng	Việt	27/09/2003	CCQ2105A	6.3	5.8	6.0	
228294	36	2121050024	Hồ Thanh	Xuân	25/01/2003	CCQ2105A	7.2	5.5	6.2	

Số sinh viên có mặt: 30

Số bài thi: 30

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

KHOA: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Trắc nghiệm online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Khí cụ điện.....

Nhóm: ...01.....

Ngày thi:21/01/2022..... Giờ thi:.....09:45.....

Phòng thi: ...ON39...

Giảng viên giảng dạy:Trần Thị Thanh Lễ.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
------	-----	------	---------	-------	-----------	-------	-------------------	--------------------	------------	------------

Số sinh viên vắng mặt: 6

Số tờ giấy thi: 30

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.
Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1



Đào Thanh Tâm

Cán bộ chấm thi 1



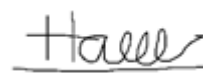
Trần Thị Thanh Lễ

Cán bộ coi thi 2



Nguyễn Văn Trung

Cán bộ chấm thi 2



Nguyễn Thị Hạnh